

BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 4521/PAS-KHTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Hóa chất sinh phẩm vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống bệnh Sốt xuất huyết Dengue (Phân lập vi rút, giải trình tự, xét nghiệm real-time PCR) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có kế hoạch về việc mua sắm hóa chất sinh phẩm vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue (Phân lập vi rút, giải trình tự, xét nghiệm real-time PCR);

Ngày 04/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4177/PAS-KHTH;

Ngày 08/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4209/PAS-KHTH;

Ngày 14/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4490/PAS-KHTH

Đến hết ngày 14/11/2022, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa nhận đủ báo giá để làm cơ sở xây dựng giá dự toán, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh mời các đơn vị quan tâm tiếp tục tham gia chào giá cho các nội dung như sau:

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kit ly trích RNA	<ul style="list-style-type: none">Ly trích và thu nhận RNA từ mẫu máu, huyết thanh, plasma, dịch cơ thể không chứa tế bào.Sản phẩm ly trích RNA phải đạt độ tinh sạch cao và không chứa chất ức chế quá trình PCR.	Bộ 250 test	Bộ	17

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> Kit tách chiết dựa trên phương pháp cột silica, không dùng tách chiết hữu cơ và tủa cồn Cột column màu trắng, trong, chịu được tốc độ ly tâm lớn, dễ mở nắp. Lượng ống góp vừa đủ để loại bỏ sau mỗi bước sử dụng mà không cần tái sử dụng. Quá trình thực hiện thao tác ở nhiệt độ phòng không cần gia nhiệt 			
2	Sinh phẩm cho realtime RT – PCR	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Độ nhạy, độ chính xác và độ đặc hiệu >97% Tương thích với dòng máy realtime QuantStudio™ 5 Real-Time PCR System 	Hộp 500 test	Hộp	12
3	Primer Forward cho realtime RT – PCR Dengue	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
4	Primer Reverse cho realtime RT – PCR Dengue	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
5	Probe cho realtime RT – PCR Dengue	<ul style="list-style-type: none"> 5'-FAM DENV BHQ1-3' Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
6	Primer Forward cho realtime RT – PCR CHIKV	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
7	Primer Reverse cho realtime RT – PCR CHIKV	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
8	Probe cho realtime RT – PCR CHIKV	<ul style="list-style-type: none"> 5'-HEX CHIKV BHQ1-3' Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
9	Primer Forward cho realtime RT-PCR ZIKV	<ul style="list-style-type: none"> • Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
10	Primer Reverse cho realtime RT – PCR ZIKV	<ul style="list-style-type: none"> • Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
11	Probe cho realtime RT – PCR ZIKV	<ul style="list-style-type: none"> • 5'-TexRd ZIKV BHQ2-3' • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
12	Primer Forward cho realtime RT – PCR cho chứng nội	<ul style="list-style-type: none"> • Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
13	Primer Reverse cho realtime RT – PCR cho chứng nội	<ul style="list-style-type: none"> • Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
14	Probe cho realtime RT – PCR cho chứng nội	<ul style="list-style-type: none"> • 5'-Cy5 GADPH BHQ3-3' • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
15	Primer Forward cho realtime RT – PCR DEN-1	<ul style="list-style-type: none"> • Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02
16	Primer Reverse cho realtime RT – PCR DEN-1	<ul style="list-style-type: none"> • Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02
17	Probe cho realtime RT – PCR DEN-1	<ul style="list-style-type: none"> • 5'-FAM DENV-1 BHQ1-3' • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
18	Primer Forward cho realtime RT – PCR DEN-2	<ul style="list-style-type: none"> • Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) • Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
19	Primer Reverse cho realtime RT – PCR DEN-2	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02
20	Probe cho realtime RT – PCR DEN-2	<ul style="list-style-type: none"> 5'-HEX DENV-2 BHQ1-3' Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
21	Primer Forward cho realtime RT – PCR DEN-3	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02
22	Primer Reverse cho realtime RT – PCR DEN-3	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02
23	Probe cho realtime RT – PCR DEN-3	<ul style="list-style-type: none"> 5'-TexRd DENV-3 BHQ2-3' Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
24	Primer Forward cho realtime RT – PCR DEN-4	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02
25	Primer Reverse cho realtime RT – PCR cho DEN-4	<ul style="list-style-type: none"> Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu (tối đa 30 Nu) Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	02
26	Probe cho realtime RT – PCR cho DEN-4	<ul style="list-style-type: none"> 5'-Cy5 DENV-4 BHQ3-3' Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong sinh học phân tử 	Tube/250 nmol	Tube	01
27	Dung dịch hạt từ (bead) để tinh sạch DNA	<ul style="list-style-type: none"> Thu DNA sợi đôi và DNA sợi đơn tinh sạch từ sản phẩm PCR sử dụng công nghệ hóa học hạt từ SPRI (Solid Phase Reversible Immobilization) Có khả năng thu hồi các đoạn khuếch đại với kích thước lớn hơn 100bp. pH dung dịch hạt từ từ 8.0 – 8.4 	60mL/chai	Chai	01

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> Giúp loại bỏ dNTP, muối, primer dư, primer dimer, dung dịch đệm. Sản phẩm DNA sợi đôi và DNA sau khi tinh sạch áp dụng cho các ứng dụng PCR, giải trình tự sanger/NGS, cloning, SNP detection,... 			
28	Kit đo nồng độ DNA sợi đôi	<ul style="list-style-type: none"> Đo nồng độ DNA sợi đôi dựa trên nguyên lý huỳnh quang Có bước sóng kích thích và hấp thụ: 510/527 Đo được mẫu có nồng độ trong khoảng 0.1 – 120ng Tương thích với máy đo The Qubit 2.0 Fluorometer 	100 test/bộ	Bộ	02
29	Nước cất pha mix và primer	<ul style="list-style-type: none"> Đạt độ tinh sạch dùng trong SHPT. Vô trùng, không nhiễm DNA, RNA, DNase và RNase Không chứa chất ức chế PCR 	Chai 500ml	Chai	01
30	Dung dịch hạt từ (bead) để tinh sạch DNA	<ul style="list-style-type: none"> Thu DNA sợi đôi và DNA sợi đơn tinh sạch từ sản phẩm PCR sử dụng công nghệ hóa học hạt từ SPRI (Solid Phase Reversible Immobilization) Có khả năng thu hồi các đoạn khuếch đại với kích thước lớn hơn 100bp. pH dung dịch hạt từ từ 8.0 – 8.4 Giúp loại bỏ dNTP, muối, primer dư, primer dimer, dung dịch đệm. Sản phẩm DNA sợi đôi và DNA sau khi tinh sạch áp dụng cho các ứng dụng PCR, giải trình tự sanger/NGS, cloning, SNP detection,... 	Chai/60 ml	Chai	1
31	Kit đo nồng độ DNA sợi đôi	<ul style="list-style-type: none"> Đo nồng độ DNA sợi đôi dựa trên nguyên lý huỳnh quang Có bước sóng kích thích và hấp thụ: 510/527 Đo được mẫu có nồng độ trong khoảng 0.1 – 120ng Tương thích với máy đo The Qubit 2.0 Fluorometer 	100 test/bộ	Bộ	2

T T	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
32	Nước cất pha mix và primer	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt độ tinh sạch dùng trong SHPT. - Vô trùng, không nhiễm DNA, RNA, DNase và RNase - Không chứa chất ức chế PCR 	Chai 500ml	Chai	1
33	Kit chuẩn bị thư viện cho giải trình tự trên hệ thống máy Illumina	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị thư viện tương thích với hệ thống máy Miseq Illumina theo cơ chế enzymatic fragmentation. - Chuẩn bị thư viện cho các mẫu yêu cầu nồng độ đầu vào thấp (1ng) và các tác nhân kích thước bộ gene nhỏ như virus, vi khuẩn, PCR amplicon, plasmid. - Áp dụng được cho các kỹ thuật: 16S rRNA sequencing, amplicon sequencing, denovo sequencing, shotgun sequencing, whole genome sequencing. 	24 test/bộ	Bộ	2
34	Index cho giải trình tự trên hệ thống máy Illumina	Kit index tương thích với bộ chuẩn bị thư viện cho chuẩn bị thư viện trên hệ thống máy Miseq Illumina.	96 test/bộ	Bộ	1
35	Bộ chạy máy cho giải trình tự trên hệ thống máy Illumina	<ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với hệ thống máy Miseq Illumina - Số đoạn đọc tối đa trong 1 lần chạy máy: 15 triệu đoạn đọc - Chiều dài đoạn đoạn 150 bp x 2 - Dữ liệu đầu ra tối đa: 5.1Gb 	Bộ	Bộ	1
36	Primer pool DEN- 1A cho giải trình tự Dengue virus	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu - Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT 	Tube/50 nmol	Tube	1
37	Primer pool DEN- 1B cho giải trình tự Dengue virus	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu - Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT 	Tube/50 nmol	Tube	1
38	Primer pool DEN- 2A cho giải trình tự Dengue virus	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu - Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT 	Tube/50 nmol	Tube	1

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
39	Primer pool DEN-2B cho giải trình tự Dengue virus	-Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu -Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT	Tube/50 nmol	Tube	1
40	Primer pool DEN-3A cho giải trình tự Dengue virus	-Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu -Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT	Tube/50 nmol	Tube	1
41	Primer pool DEN-3B cho giải trình tự Dengue virus	-Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu -Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT	Tube/50 nmol	Tube	1
42	Primer pool DEN-4A cho giải trình tự Dengue virus	-Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu -Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT	Tube/50 nmol	Tube	1
43	Primer pool DEN-4B cho giải trình tự Dengue virus	-Đúng trình tự Nu và số lượng primer như Lab yêu cầu -Đạt độ tinh sạch, khử muối dùng trong SHPT	Tube/50 nmol	Tube	1
44	Kit tổng hợp cDNA từ RNA	-Tổng hợp cDNA từ RNA -Có thể tổng hợp được cDNA từ 100 bp to >12 kb. -Cung cấp kèm với primer Oligo-dT, Randomized primer mix.	30 test/bộ	Bộ	1
45	Kit tổng hợp dsDNA	Kit khuếch đại dsDNA với độ chính xác cao hơn Taq Polymerase, tỷ lệ nhân bản sai thấp. Có hoạt tính Hot-start giúp ngăn kéo dài không đặc hiệu (Primer dimer, sản phẩm thứ cấp,...) - Có khả năng khuếch đại đoạn có chiều dài lên đến 20kb	100 test/bộ	Bộ	1
46	1,4-diazobicyclo (2,2,2) octane	Độ tinh sạch $\geq 99\%$ Có thể dùng nhỏ vào mẫu mô/ tế bào đọc kính hiển vi Trạng thái: dạng bột	25 g/ Chai	Chai	01

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Không ảnh hưởng đến kháng thể, chất phát huỳnh quang (FITC)			
47	Aceton	Công thức hóa học: CH ₃ CO CH ₃ Trạng thái: dạng lỏng Độ tinh sạch ≥99% Màu sắc: ≤ 10 Hazen Khối lượng riêng ở 20°C: 0,790 - 0,793	500 mL/ Chai	Chai	01
48	Amphotericin B	Nồng độ: 0,25 – 2,5 µg/mL Loại sinh phẩm: Kháng nấm Đã được xử lý vô trùng Trạng thái: Lỏng Có tác dụng ngăn chặn nhiễm trong nuôi cấy tế bào	50 mL/ Chai	Chai	01
49	Strip 8 well cho realtime PCR 0.1mL và Nắp strip 8 well cho realtime PCR	- Vô trùng và Không nhiễm DNA, RNA. Không chứa Rnase/DNase - Tương thích với dòng máy realtime QuantStudio™ 5 Real-Time PCR System - Chịu được nhiệt độ từ -20°C đến 120°C - Chất liệu bằng Polypropylene	Strip +cap	Strip+cap	625
50	Plate 96 well cho PCR 0.2mL	- Vô trùng và Không nhiễm DNA, RNA. Không chứa Rnase/DNase - Tương thích với dòng máy PCR ThermoFisher MiniAmp Thermal Cyclor - Chịu được nhiệt độ từ -20°C đến 110°C - Chất liệu bằng Polypropylene	25 plate/hộp	Hộp	1
51	Miếng dán nhôm cho plate PCR 956 well	-Tương thích với plate 96 well cho PCR 0.2mL. Độ bám dính tốt Không chứa DNA, RNA, DNase, Rnase, chất ức chế PCR Chịu được nhiệt độ từ -20°C đến 120°C	100 miếng/hộp	Hộp	1
52	Giấy lau không bụi	-Kích thước 11 x 21 cm Giấy có độ dai, mềm, có khả năng chống tĩnh điện, có tính trơ với nhiều loại hóa chất, không sinh bụi.	250 tờ/hộp	Hộp	1

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Giấy lau chuyên biệt cho lau thấm vệ sinh gương kính			
53	Găng tay y tế	Không bột Nitrile, Size S	Hộp 100 cái	hộp	11
54	Găng tay y tế	Không bột Nitrile, Size M	Hộp 100 cái	hộp	12
55	Bàn cào tế bào	Chiều dài bàn cào: 28 cm Chiều dài lưỡi cào: 1,8 cm Đã được xử lý vô trùng Tách tế bào khỏi mặt chai nuôi cấy	100 cây/ Thùng	Thùng	01
56	Buồng đếm tế bào	Số giếng trên 1 phiến: 10 giếng Vật liệu: Nhựa Pastic với chất lượng quang học của thủy tinh Mục đích: Sử dụng đếm tế bào/ hồng cầu dưới kính hiển vi Các ô đếm trogn từng giếng được phân biệt rõ dưới kính hiển vi Có hướng dẫn cách tính mật độ tế bào	100 cái/ Hộp	Hộp	01
57	Chai nuôi cấy tế bào không lọc 25 cm ²	Hình dạng chai: Hình chữ nhật Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt bằng TC Phạm vi chia độ: 5-30 mL Diện tích bề mặt: 25 cm ² Thể tích nuôi: 5-7,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Kiểu nắp con dấu, có ron Đường kính nắp 20 mm Chất liệu nắp Polyethylene mật độ cao Độ bám của tế bào lên bề mặt nuôi tốt	500 chai/ thùng	Thùng	01
58	Đầu côn có lọc 10 μl	Biên độ thể tích: 0,2-10μL Có đầu lọc Chỉ sử dụng 1 lần	96 cái/ hộp	Hộp	64

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Chiều dài của đầu côn: > 3,3 cm Màu sắc: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase Để trong hộp có giá đỡ Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng			
59	Đầu côn có lọc 100 ul	Biên độ thể tích: 1-100 μ L Có các vạch chia 10, 50, 100 Có đầu lọc Chỉ sử dụng 1 lần Màu sắc: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase Để trong hộp có giá đỡ Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn Chiều dài của đầu côn: > 5 cm Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng	96 cái/ hộp, 10 hộp/thùng	Thùng	6
60	Đầu côn có lọc 200 ul	Biên độ thể tích: 1-200 μ L Có các vạch chia 10, 50, 100 Có đầu lọc Chỉ sử dụng 1 lần Màu sắc: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase Để trong hộp có giá đỡ Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn Chiều dài của đầu côn: > 5 cm	96 cái/ hộp	Hộp	85

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng			
61	Đầu côn có lọc 1000 ul	<p>Biên độ thể tích: 100-1000 μL</p> <p>Có các vạch chia 250, 200, 1000</p> <p>Có đầu lọc</p> <p>Chỉ sử dụng 1 lần</p> <p>Màu sáng: Trong suốt</p> <p>Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase</p> <p>Đề trong hộp có giá đỡ Chiều dài của đầu côn: > 7,2 cm</p> <p>Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn</p> <p>Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng</p>	96 cái/hộp	Hộp	144 hộp
62	Môi trường DMEM (Dulbecco's Modified Eagle's Medium) high glucose	<p>Sử dụng trong nuôi cấy tế bào</p> <p>Đã được xử lý vô trùng</p> <p>Nồng độ glucose: 4500 mg / L</p> <p>Được bổ sung huyết thanh khi sử dụng</p> <p>Không có Natri Bicacbonat</p> <p>Hình thức: Bột</p> <p>Glutamine: L-Glutamine</p> <p>Có chỉ thị đỏ phenol</p> <p>Không có natri Pyruvate</p> <p>Không có nguồn gốc động vật</p> <p>Không có bộ đệm HEPES</p> <p>Có khả năng hấp được</p>	10 lít/ hộp	Hộp	1
63	Dung dịch Acid HCl đậm đặc	<p>Công thức hóa học: HCl</p> <p>Nồng độ: 37-38%</p> <p>Màu \leq 10 Hazen</p> <p>Khối lượng riêng: 1,19 g / cm³ (20 ° C)</p> <p>pH <1 (H₂O, 20 ° C)</p>	500 mL/ Chai	Chai	1

T T	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Độ tinh sạch cao. Hình thức: dạng lỏng			
64	Dung dịch Hepes	Bộ đệm hóa học hữu cơ Zwitterionic Nồng độ: 1M Màu sắc: Trong suốt Thành phần: N-2- Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid Sử dụng trong nuôi cấy tế bào động vật Hình thức: dạng lỏng Phạm vi pH: 7,2 đến 7,5 Đã lọc vô trùng	100 mL/ Chai	Chai	1
65	Dung dịch huyết thanh bào thai bê, không bắt hoạt bằng nhiệt	Tuổi: Thai nhi Hình thức: Chất lỏng Đã được xử lý vô trùng Phương pháp khử trùng: Lọc ba lần, 0,1 μm Dùng trong nuôi cấy tế bào Loài: Bò Mức nội độc tố: ≤ 5 EU / mL Nồng độ Hemoglobin: ≤ 15 mg / dL Mức huyết sắc tố: ≤ 15 mg / dL	500 mL/ Chai	Chai	1
66	Dung dịch L- Glutamine 200 mM	Nồng độ: 100X Loại sản phẩm: Bổ sung Đã xử lý lọc vô trùng Hình thức: hắt lỏng Không có chỉ thị Phenol đỏ Loại nuôi cấy: Nuôi cấy tế bào huyền phù, Nuôi cấy tế bào kết dính Không nguồn gốc động vật pH: 6 đến 8	100 mL/ Chai	Chai	1

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
67	Evans (1/15000) blue	Công thức: C ₃₄ H ₂₄ N ₆ Na ₄ O ₁₄ S ₄ Trọng lượng: 960,81 g / mol Dùng để nhuộm tế bào Hàm lượng thuốc nhuộm: ≥ 75% Hình thức: dạng bột	10g/ Chai	Chai	1
68	Hộp lưu mẫu	Có 81 vị trí lưu giữ trong hộp sắp xếp theo 9x9 Chất liệu Polypropylene (PP) Có khả năng chịu nhiệt độ đến -196 ⁰ C, chống va đập Trên hộp có đánh dấu ký hiệu trên các vị trí lưu trữ Kích thước hộp vừa để lưu các ống mẫu có thể tích 2mL	20 cái/ Gói	Gói	1+ 5
69	Lame kính 12 giếng phủ Teflon	Có 2 hàng giếng, mỗi hàng 6 giếng Mỗi giếng được đánh số vị trí Có vị trí phía trước để ghi số thứ tự/ tên của lame Kích thước: 75 x 25 x 1 mm Màu sắc: đen	72 lame / Hộp	Hộp	3
70	Lamen	Dùng cho đặt lame trong đọc kính hiển vi Kích thước: 24 x 60 mm) Chất liệu: Thủy tinh trong suốt	100 miếng/ hộp	Hộp	3
71	Lọc môi trường	Kiểu lọc: Hệ thống chân không Dung tích phễu: 1000 mL Vật liệu màng: Polyethersulfone Kích thước lỗ màng: 0,22 μm Diện tích màng: 54,5 cm ² Được gói riêng từng cái Đường kính cổ: 45 mm Đã được xử lý tiệt trùng	12 cái/ Thùng	Thùng	1

T T	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
72	MEM Non- Essential Amino Acids Solution	<p>Nồng độ: 100X</p> <p>Dùng trong nuôi cấy tế bào</p> <p>Loại sản phẩm: Bổ sung</p> <p>Đã lọc vô trùng</p> <p>Hình thức: Chất lỏng</p> <p>pH 0,9</p> <p>Không có chỉ thị phenol đỏ</p>	100 mL/ Chai	Chai	1
73	Parafilm 10cm x 38m	<p>Vật liệu linh hoạt và tự niêm phong cho phép nó bám vào hình dạng và bề mặt không đều</p> <p>Căng dài hơn 200% chiều dài ban đầu</p> <p>Chịu được tối đa 48 giờ so với nhiều chất như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm</p> <p>Bảo vệ sự toàn vẹn của các ứng dụng nghiên cứu nhờ cản độ ẩm chặt chẽ giúp giữ kín chặt và ngăn thất thoát ra khỏi dụng cụ thủy tinh, ngay cả khí gas</p> <p>Giảm nguy cơ dữ liệu bị giả mạo với lớp phủ không mùi, không màu và nửa trong suốt</p> <p>Ngăn chặn độ ẩm và tổn thất khối lượng do thành phần vật liệu và bịt kín</p> <p>Kích thước; 10cm x 38.1m</p>		Cuộn	1
74	PBS	<p>Phân loại: Không có nguồn gốc động vật</p> <p>Hình thức: Bột</p> <p>Sử dụng trong nuôi cấy tế bào</p> <p>Không có Canxi, Không có Magiê</p> <p>Độ thẩm thấu: 265 - 310 mOsm / kg</p> <p>Không có chỉ thị Phenol đỏ</p> <p>pH: 7,2 đến 7,7</p> <p>Không có natri Pyruvate</p>	10 lít/ Hộp	Hộp	1

T T	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
75	Penicillin- Streptomycin	<p>Nồng độ: 100X</p> <p>Loại sản phẩm: Kháng sinh</p> <p>Vô trùng: Đã lọc vô trùng</p> <p>Thành phần: Penicillin, Streptomycin</p> <p>Ngăn ngừa nhiễm môi trường nuôi cấy tế bào</p> <p>Hình thức: Chất lỏng</p>	100 mL/ Chai	Chai	1
76	Pipet nhựa 5ml	<p>Thể tích sử dụng: 5 mL</p> <p>Độ chính xác trong khoảng $\pm 2\%$</p> <p>Hình dạng: trụ hình tròn</p> <p>Tính năng dùng một lần</p> <p>Khoảng chia độ 0,1 mL</p> <p>Độ chia vạch âm 2,5 mL</p> <p>Các vạch chia nhỏ được mã hòa bằng màu để đọc</p> <p>Được xử lý vô trùng</p> <p>Đóng gói riêng từng cây bằng giấy nhựa cho phép dễ bóc tách</p> <p>Chiều dài 348 mm)</p> <p>Chất liệu: Polystyrene</p>	200 cây/ Thùng	Thùng	1
77	Pipet nhựa 10 ml	<p>Thể tích sử dụng: 10 mL</p> <p>Độ chính xác trong khoảng $\pm 2\%$</p> <p>Hình dạng: trụ hình tròn</p> <p>Tính năng dùng một lần</p> <p>Khoảng chia độ 0,1 mL</p> <p>Độ chia vạch âm 3 mL</p> <p>Các vạch chia nhỏ được mã hòa bằng màu để đọc</p> <p>Được xử lý vô trùng</p> <p>Đóng gói riêng từng cây bằng giấy nhựa cho phép dễ bóc tách</p> <p>Chất liệu: Polystyrene</p>	200 cây/ Thùng	Thùng	1+1

T T	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
78	Sodium Bicarbonate solution 7.5%	Nồng độ: 7.5% Đã lọc vô trùng Tên hóa học: Natri Bicacbonat Hình thức: Chất lỏng Sử dụng trong nuôi cấy tế bào pH: 8,3	100 mL/ Chai	Chai	02
79	Sodium Pyruvate	Nồng độ: 100mM Đã lọc vô trùng Hình thức: Chất lỏng Sử dụng trong nuôi cấy tế bào	100 mL/ Chai	Chai	1
80	Trypan blue	Nồng độ: 0,4% Đã lọc vô trùng Màu sắc: Xanh lam Để sử dụng với Kính hiển vi Bản địa hóa tế bào phụ: Tế bào chất & Cytosol Hình thức: Chất lỏng	100 mL/ Chai	Chai	1
81	Tube Cryotube 1,8ml	Nắp vận ngoài: ren vận ngoài của thân ống vừa khớp với ren vận trong của nắp ở dạng xoắn Đáy có chân tự đứng Đóng gói trong túi zip-lock có thể mở đóng lại được. Không có vòng đệm silico Thể tích tối đa: 1,8 mL Kích thước: 13,1 x 45,5 mm Đã được xử lý vô trùng	500 cái/ Gói	Gói	1
82	Tube eppendorff 1.5 ml có nắp	Không có DNase, RNase, DNA người có thể phát hiện được Không sinh nhiệt Kháng hóa chất và nhiệt độ cao	500 cái / gói	Gói	1+13

T T	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Thể tích: 1,5 ml Có vạch chia rõ ràng, dễ đọc			
83	Tube ly tâm 15 ml	Ống Polypropylene, đáy hình nón, tự nhiên Không có DNase, RNase, DNA người có thể phát hiện được Không sinh nhiệt, không độc tế bào Vô trùng Có vạch chia nhỏ 0,5 mL rõ ràng, dễ đọc. Tube trong suốt, dễ nhìn dung dịch bên trong.	100 cái/ Gói	Gói	1+1
84	Tube ly tâm 50 ml	Ống Polypropylene, đáy hình nón, tự nhiên Không có DNase, RNase, DNA người có thể phát hiện được Không sinh nhiệt, không độc tế bào Vô trùng Có vạch chia nhỏ 5 mL rõ ràng, dễ đọc. Tube trong suốt, dễ nhìn dung dịch bên trong.	20 cái/ gói	Gói	2+1
85	Găng tay không bột size M	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên. - Màu sắc: Màu cao su tự nhiên - Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám.	50 đôi/ hộp	Hộp	03
86	Găng tay không bột size S	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên. - Màu sắc: Màu cao su tự nhiên - Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám.	50 đôi/ Hộp	Hộp	03
87	Cồn 70	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Ethanol 70%	Lit	Lit	60

T T	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Diệt khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Mycobacterium tuberculosis và nấm Candida albicans sau thời gian tiếp xúc 2 phút. Diệt khuẩn dụng cụ y tế, bề mặt trong y tế.			

- Hồ sơ báo giá gồm:
- + Báo giá theo mẫu phụ lục kèm theo
- + Tài liệu liên quan: bao gồm hồ sơ kỹ thuật, các hồ sơ pháp lý của sản phẩm (nếu có yêu cầu)
- Thời gian nhận báo giá: trước 13h00 ngày 15/11/2022
- Hình thức gửi:
- + Bản chính Hồ sơ báo giá được gửi về Bộ phận văn thư – Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur Phường Võ Thị Sáu Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.
- File mềm được gửi đến địa chỉ email: ptquynhpas@gmail.com
- Mọi chi tiết xin liên hệ: chị Phan Thu Quỳnh – phòng Kế hoạch tổng hợp, số điện thoại 0989.597.584

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Trưởng phòng KHTH (để b/c)
- Phòng HCQT (CNTT) để thực hiện;
- Lưu: VT, KHTH.

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHTH

VIỆN
PASTEUR
TP. HỒ CHÍ MINH
 ★ **Phạm Duy Quang**

Phụ lục

MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 4521/PAS-KHTH ngày 15/11/2022 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên công ty:

Địa chỉ:

Tên người liên hệ: - Số điện thoại liên hệ: - Email:

BẢNG BÁO GIÁ

____, Ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi là ____ [Ghi tên công ty] xin gửi tới Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh bảng chào giá ____ [Ghi tính chất danh mục báo giá] như sau:

TT	Tên hàng hóa Viện yêu cầu	Tên thương mại hàng hóa nhà thầu chào	Mã hàng	ĐVT	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Hạn dùng (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền
Tổng cộng (VNĐ, có VAT)											

Ghi chú:

- Hàng mới 100%; [đối với tài sản hàng hóa]
- Thời gian thực hiện: [Ghi rõ thời gian cung ứng, thực hiện]
- Phương thức thanh toán: [Ghi rõ phương thức thanh toán]
- Hiệu lực báo giá: [ghi rõ báo giá có hiệu lực đến thời điểm nào]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

[ghi tên, ký tên và đóng dấu]